

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HS-ST

Ngày: 28/11/2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Giao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Hòa Phúc

2. Bà Phạm Thị Kim Thảo

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Lê Tú Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 33/2018/HSST ngày 31 tháng 10 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2019/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2019 đối với bị cáo:

Nguyễn Văn T, sinh năm 1969, tại tỉnh An Giang; nơi cư trú: Ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên Chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn D (chết) và bà Huỳnh Thị Kim L, (chết); Vợ: Cao Thị Mỹ H, sinh năm 1978, có 01 con tên Nguyễn Văn D1, sinh năm 2002; nhân thân: Ngày 12/7/2006, Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 06 tháng tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Đến ngày 10/11/2006 chấp hành xong; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Châu Thành từ ngày 06/6/2019 cho đến nay và có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Nguyễn Văn M (Tám C), sinh năm 1971; nơi cư trú: Tổ X, ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang – có mặt.

2. Nguyễn Thanh T1, sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang - có mặt.

- *Nguyên đơn dân sự*: Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1972; nơi cư trú: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh An Giang – có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1964; nơi cư trú: Ấp H, thị trấn A, huyện C, tỉnh An Giang – có mặt.

- *Người làm chứng*: Nguyễn Văn V, sinh năm 1982; nơi cư trú: Số nhà 51/19C, khóm M, phường Q, thành phố L, tỉnh An Giang – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 01/2019, trên phà Vàm Cống, Nguyễn Văn T làm quen với Nguyễn Văn M đang lái xe chở hàng, T nói dối với M mình tên Nguyễn Đình S, Trưởng Đoàn Biên phòng Cửa khẩu Tịnh Biên, tỉnh An Giang nên M xin số điện thoại của T. Ngày 16/01/2019, T mặc bộ quân phục của Quân đội nhân dân Việt Nam, có mang cấp hàm, phù hiệu và bảng tên (T mua của một người bán dạo ở tỉnh Đồng Tháp), thuê xe ô tô 07 chỗ ngồi biển số 67A-033.57 của anh Nguyễn Văn V để đến gặp M tại khu vực ngã ba Lộ tẻ Tri Tôn. Lúc này, M mời T đến quán lẩu trâu gần cổng sau khu công nghiệp Bình Hòa thuộc ấp Bình Phú I, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang uống bia. Tại đây, M có nói mua sắt phế liệu ở Campuchia về bán có lãi nhiều, nhưng khó đi qua cửa khẩu, nên T hứa giúp đỡ cho xe tải của M được đi qua cửa khẩu Tịnh Biên mà không bị kiểm soát, T hứa sẽ giúp đỡ M. Lúc này, T nói dối là mới bị mất trộm cái bóp nên T mượn M 3.000.000 đồng, tin tưởng nên M đưa cho T 3.000.000 đồng.

Ngày 18/01/2019, T mặc quân phục, lái ô tô biển số 67A-033.57 đến dự đám giỗ mẹ của M tại xã C, huyện C. Tại đây, M nhắc lại chuyện nhờ T giúp xe tải của M qua cửa khẩu, T hứa hẹn sẽ giúp, T kêu M phô tô các giấy tờ xe liên quan đến xe tải của M và đưa giấy phép lái xe ô tô (bản chính) của M cho T và đưa thêm số tiền 3.000.000 đồng để T đi làm thủ tục, tin tưởng nên M làm theo lời T, đưa cho T thêm 3.000.000 đồng. Đến chiều, T gọi điện kêu M đem ra khu vực Ban chỉ huy quân sự huyện Châu Thành đưa cho T thêm số tiền 4.000.000 đồng để T uống bia với cấp trên của T nhằm lo thủ tục cho M nên M mang 4.000.000 đồng đến cho T.

Ngày 20/01/2019, T gọi điện cho M nói dối là xe ô tô của T bị bê bánh dọc đường, đang ở quán cơm gần cầu Mương Trâu (thuộc xã Bình Hòa, huyện Châu Thành), T kêu M đem xuống cho T mượn 4.000.000 đồng để thay vỏ xe, tin lời nên M mang 4.000.000 đồng đến cho T.

Ngày 23/01/2019, T rủ M đi cúng chùa Cô Ba ở tỉnh Bến Tre nên M đưa vợ con cùng đi do T lái xe ô tô biển số: 67A-033.57 chở đi. Sau đó, đến nhà M thì T kêu M đưa T 6.000.000 đồng để T lo thủ tục cho M, tin tưởng nên M đưa cho T 6.000.000 đồng.

Ngày 24/01/2019, T gọi điện tiếp tục rủ M đi cúng chùa Cô Ba ở tỉnh Bến Tre, tin tưởng nên M rủ vợ con và tài xế của M đi cùng, T lái xe ô tô biển số

67A-033.57 chờ đi. Sau đó, đến nhà M thì T kêu M đưa T 6.000.000 đồng để T lo thủ tục cho M, tin tưởng nên M đưa cho T 6.000.000 đồng.

Ngày 27/01/2019, T lái xe ô tô biển số: 67A-033.57 đến chùa SUMINHNARAM ở xã Cần Đăng, huyện Châu Thành rồi gọi điện kêu M đến, T kêu M đi mua ngay chiếc nhẫn để đưa cho T làm ký hiệu, sau này khi xe M qua cửa khẩu chỉ cần giơ ngón tay có đeo nhẫn lên là xe được đi qua. Do tin tưởng T nên M đi mua chiếc nhẫn vàng 18kara có đính hột màu trắng, trị giá khoảng gần 4.000.000 đồng đem về đưa cho T, xem nhẫn xong thì T nói dối là sư chủ trì chùa SUMINHNARAM nói T đeo chiếc nhẫn của M mới mua sẽ may mắn nên kêu M đưa cho T đeo, khi nào M lái xe đi qua cửa khẩu thì T đưa lại, tin lời T nên M đưa nhẫn vừa mua được cho T. Khoảng 03-04 ngày sau, T tiếp tục gọi điện kêu M đưa thêm số tiền 6.000.000 đồng để lo thủ tục cho M, do hết tiền nên M kêu T đem chiếc nhẫn vàng đi bán để lo, T báo cho M là bán nhẫn được 3.000.000 đồng. Biết M hết tiền nên T đã tránh né M.

Đến ngày 05/02/2019, T tiếp tục lừa đảo Nguyễn Thanh T1 (là bạn của M do T1 có đi cùng M uống nước với T), T1 cũng tin tưởng T là Trưởng Đoàn Biên phòng nên khi T gọi điện rủ T1 uống nước thì T1 đồng ý. T mặc quân phục, lái xe ô tô biển số 67A-033.57 đến gặp T1 ở quán giải khát khu vực ngã ba Lộ Tẻ Tri Tôn. Tại đây, T nói dối là đang cần người quản lý kho hàng lậu bắt được của đồn biên phòng cửa khẩu Tịnh Biên với mức lương 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/ tháng. T1 tin lời nên nhờ T giúp đỡ để T1 được nhận vào làm. Sau đó, T rủ T1 đi thành phố Cần Thơ chơi. T lái xe ô tô biển số 67A-033.57 chở T1 đi từ xã Bình Hòa đến thành phố Long Xuyên, T ghé vào cửa hàng điện thoại “Trí” khu vực thuộc phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên, T mua 01 điện thoại di động Nokia 8800 màu vàng rồi lên xe đi tiếp, T nói mua điện thoại 4.000.000 đồng, hết tiền xài nên kêu T1 cho mượn 5.000.000 đồng, khi nào về T trả lại, tin lời nên T1 đưa T 5.000.000 đồng. T lái xe được một đoạn thì quay lại chợ Long Xuyên, T nói dối là mua khô và dép tặng 02 lãnh đạo của T ở thành phố Cần Thơ, tiền mua khô và dép hết số tiền 2.500.000 đồng T kêu T1 trả, về T trả lại. Mua xong T lái xe chở T1 đến quán không bảng hiệu trên đường quốc lộ 91B thuộc thành phố Cần Thơ để uống bia, T gọi 02 người bạn của T đến uống cùng rồi tặng khô và dép cho 02 người này, uống bia xong T kêu T1 thanh toán tiền cho quán 5.500.000 đồng, về T trả lại. Trên đường lái xe về Long Xuyên, T thấy T1 có đeo chiếc nhẫn vàng mặt hình đầu rồng, T nói dối là thầy bói nói T đeo nhẫn này sẽ hợp phong thủy nên kêu T1 đưa cho T đeo, tin tưởng nên T1 đưa cho T đeo nhẫn này, vài ngày sau T đem chiếc nhẫn này đi bán được số tiền 7.000.000 đồng. Trên đường về gần tới nhà T kêu T1 đưa 5.000.000 đồng, T hứa hẹn sẽ giúp T1 vào làm quản lý kho, tin lời nên T1 đưa T 5.000.000 đồng.

Ngày 06/02/2019, T điện thoại rủ T1 đi uống nước ở khu vực thị trấn An Châu, huyện Châu Thành, khi uống nước T kêu T1 đưa T 5.000.000 đồng, chiều T trả lại nên T1 đưa T 5.000.000 đồng. Tại đây T rủ T1 đi xem bói để tiếp tục lừa đảo T1, tin lời nên T1 đi cùng T. T kêu T1 đem xe xuống bệnh viện đa khoa tỉnh An Giang gửi, T lái xe ô tô biển số 67A-033.57 theo sau. Một lát sau T đến và nói dối là xe bị bể bánh, kêu T1 cho T mượn 5.000.000 đồng nên T1 đưa T

5.000.000 đồng. Trên đường đi xem bói về T1 rủ T về nhà T1 uống bia, tại nhà T1, T hứa chắc chắn là sẽ giúp T1 rồi kêu T1 đưa thêm cho T 2.000.000 đồng, nhận tiền xong, T cắt liên lạc với T1.

Sau khi M và T1 phát hiện mình bị T lừa đảo nên đi tìm T. Đến ngày 06/3/2019 M và T1 phát hiện T đang ở cửa hàng điện thoại “Trí” thuộc phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên nên M và T1 đến Công an phường Mỹ Phước, thành phố Long Xuyên trình báo, tại Cơ quan Công an T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cùng ngày, Công an phường Mỹ Phước bàn giao T cho Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện Châu Thành điều tra, xử lý theo thẩm quyền.

* Vật chứng thu giữ:

- Một bộ quân phục màu xanh của quân đội;
- Một bảng tên quân đội mang tên Nguyễn Đình S;
- Một bộ quân hàm thiếu tá và phù hiệu bộ đội biên phòng của quân đội;
- Một thắt lưng của quân đội;
- Một đôi giày màu đen của quân đội;
- Một giấy phép lái xe tên Nguyễn Văn M;
- Một điện thoại di động Nokia – 8800 màu vàng;
- Một nhẫn kim loại màu vàng 18kara, mặt nhẫn hình vuông có đính hột đá màu đỏ, tổng trọng lượng chiếc nhẫn 3,176 chỉ, hột đá không có giá trị, trọng lượng đá 0,56 chỉ, phần còn lại là vàng 18kara, phổ 600, trọng lượng vàng 2,616 chỉ;
- Một nhẫn kim loại màu vàng 18kara, kim loại màu vàng, mặt nhẫn hình tròn có đính hột đá màu đen, tổng trọng lượng chiếc nhẫn 2,984 chỉ, hột đá không có giá trị, trọng lượng đá 1,49 chỉ, phần còn lại là vàng 18kara, phổ 600, trọng lượng vàng 1,494 chỉ.
- Một giấy chứng minh nhân dân tên Lê Quốc C (có dán ảnh của T);
- Một giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Văn T;
- Một giấy mua bán xe: 65F1-379.00 (giấy tay);
- Một đồng hồ đeo tay nhãn hiệu SAPPHIRE;
- Một điện thoại di động Iphone 6S plus 32GB;
- Một xe mô tô biển số 65F1-379.00 hiệu WAZELET, số máy VUMHAYG150FMH012524, số khung VTKBCH014UM012524, dung tích xi lanh 109 cm³.
- Tiền Việt Nam 29.000.000 đồng (Hai mươi chín triệu đồng).

Ngày 06/6/2019, Nguyễn Văn T bị khởi tố điều tra.

* Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa:

- Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi như bản cáo trạng đã truy tố, bị cáo không có bằng lái xe ô tô nên bị cáo đã mua một bộ quân phục quân đội vì nghĩ rằng sẽ không bị công an giao thông kiểm tra giấy tờ của quân đội. Khi gặp anh Nguyễn Văn M tại phà Vàm Cống, bị cáo tự xưng là thiếu tá Nguyễn Đình S, trưởng đồn biên phòng cửa khẩu Tịnh Biên, thấy anh M tin nên bị cáo lừa anh M là sẽ giúp xe anh M khi đi mua phế liệu từ Campuchia về qua cửa khẩu Tịnh Biên mà không bị kiểm soát, anh M đã bảy lần giao tiền cho bị cáo, tổng số tiền bị cáo nhận của anh M là 26.000.000 đồng (Hai mươi sáu triệu đồng) và một chiếc nhẫn vàng 18kara, bị cáo đã bán nhẫn vàng 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Ngoài ra, bị cáo còn nói có thể giúp anh Nguyễn Thanh T1 vào làm việc tại đồn biên phòng cửa khẩu Tịnh Biên với mức lương từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng/tháng để anh T1 tin tưởng tám lần giao tiền cho bị cáo, tổng số tiền bị cáo nhận của anh T1 là 30.000.000 đồng (Ba mươi triệu đồng) và một chiếc nhẫn vàng 18kara, bị cáo đã bán nhẫn vàng được 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng). Những lần liên hệ với anh T1 và anh M, bị cáo sử dụng điện thoại di động trắng đen (bị cáo đã bán) và đến gặp anh T1, anh M bằng xe ô tô 67A-033.57 (thuê của anh V).

- Bị hại Nguyễn Văn M trình bày, anh và bị cáo gặp nhau khi đang chờ phà Vàm Cống, nhiều lần khi gặp anh, bị cáo mặc quân phục quân đội, nên anh tin tưởng bị cáo là trưởng đồn biên phòng cửa khẩu Tịnh Biên như bị cáo tự giới thiệu. Anh nghe nói mua sắt phế liệu ở Campuchia về bán có lãi nhiều, bị cáo mở lời giúp anh không bị kiểm soát xe tại cửa khẩu Tịnh Biên và nhiều lần yêu cầu anh đưa tiền để tạo mối quan hệ. Anh M đã bảy lần giao tiền cho bị cáo, mỗi lần từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng, tổng số tiền anh đã đưa cho bị cáo là 26.000.000 đồng và một chiếc nhẫn vàng 18kara. Anh M yêu cầu bị cáo trả lại cho anh số tiền 29.000.000 đồng và yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Bị hại Nguyễn Thanh T1 trình bày, anh quen biết bị cáo do có uống nước chung với bị cáo và anh M. Do anh thấy bị cáo có quen biết với anh M và biết nhiều lãnh đạo công an ở huyện Châu Thành, nên anh T1 tin tưởng bị cáo làm trưởng đồn biên phòng, có thể giúp anh làm công việc quản lý tại kho hàng của đồn biên phòng cửa khẩu Tịnh Biên nên anh đã tám lần đưa tiền cho bị cáo, mỗi lần từ 2.000.000 đồng đến 5.500.000 đồng, tổng số tiền anh đã đưa cho bị cáo là 30.000.000 đồng và một chiếc nhẫn vàng 18kara. Anh yêu cầu bị cáo trả lại cho anh số tiền 37.000.000 đồng và yêu cầu xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

- Nguyên đơn dân sự chị Nguyễn Thị Kim H trình bày, chị là vợ của anh Nguyễn Văn M. Chồng chị tin tưởng lời hứa của bị cáo giúp anh M được suôn sẻ trong việc làm ăn, nên đã nhiều lần lấy tiền, vàng giao cho bị cáo. Nguồn tiền để đưa cho bị cáo là tài sản của vợ chồng chị và vợ chồng chị vay mượn thêm của nhiều người. Do đó, chị yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền 29.000.000 đồng (Hai mươi chín triệu đồng) cho vợ chồng chị.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bích L trình bày, bà là chị ruột của bị cáo. Hằng ngày bị cáo không có nghề nghiệp và không có

nơi ở ổn định. Bà không biết việc bị cáo lừa đảo tiền, vàng của người khác, bà chỉ biết khi bị cáo bị bắt. Bị cáo có xin bà tiền để trả cho các bị hại, bà đã tự nguyện nộp 24.000.000 đồng để khắc phục hậu quả thay cho bị cáo, bà không yêu cầu bị cáo phải trả lại số tiền trên cho bà.

Cáo trạng truy tố số: 32/CT-VKSCT-HS ngày 31/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, truy tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm b, c khoản 2 điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố: Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về trách nhiệm hình sự: Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 174; Điều 38, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, đề nghị xử phạt bị cáo Nguyễn Văn T mức án tù từ 03 (ba) năm đến 04 (bốn) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, thời gian được tính kể từ ngày bị bắt tạm giam.

- Biện pháp tư pháp:

+ Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 589 Bộ luật Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo T bồi thường cho anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị Kim H số tiền 29.000.000đ (Hai mươi chín triệu đồng), bồi thường cho anh Nguyễn Thanh T1 số tiền 37.000.000đ (Ba mươi bảy triệu đồng).

+ Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị:

- Tịch thu tiêu hủy: Một bộ quân phục màu xanh của quân đội; Một bảng tên quân đội mang tên Nguyễn Đình S; Một bộ quân hàm thiếu tá và phù hiệu bộ đội biên phòng của quân đội; Một thắt lưng của quân đội; Một đôi giày màu đen của quân đội; Một giấy chứng minh nhân dân tên Lê Quốc C (có dán ảnh của T).

- Trả lại cho anh Nguyễn Văn M: Một giấy phép lái xe tên Nguyễn Văn M.

- Trả lại cho bị cáo: Một giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Văn T.

- Một đồng hồ đeo tay nhãn hiệu SAPPHIRE; Một điện thoại di động Iphone 6S plus 32GB; Một xe mô tô biển số 65F1-379.00 hiệu WAZELET, số máy VUMHAYG150FMH012524, số khung VTKBCH014UM012524, dung tích xi lanh 109 cm³, các tài sản này bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội, đề nghị trả lại cho bị cáo, tuy nhiên tạm giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành quản lý, xử lý để đảm bảo thi hành án.

- Một điện thoại di động Nokia – 8800 màu vàng; Một nhẫn kim loại màu vàng 18kara, mặt nhẫn hình vuông có đính hột đá màu đỏ, tổng trọng lượng chiếc nhẫn 3,176 chỉ, hột đá không có giá trị, trọng lượng đá 0,56 chỉ, phần còn lại là vàng 18kara, phổ 600, trọng lượng vàng 2,616 chỉ; Một nhẫn kim loại màu vàng

18kara, kim loại màu vàng, mặt nhẫn hình tròn có đính hột đá màu đen, tổng trọng lượng chiếc nhẫn 2,984 chỉ, hột đá không có giá trị, trọng lượng đá 1,49 chỉ, phần còn lại là vàng 18kara, phốt 600, trọng lượng vàng 1,494 chỉ; đây là tài sản bị cáo có được do phạm tội mà có; tiền Việt Nam 29.000.000 đồng (Hai mươi chín triệu đồng), là tiền do bị cáo lừa đảo của các bị hại còn lại và tiền khắc phục hậu quả do gia đình bị cáo giao nộp: đề nghị giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành xử lý trong giai đoạn thi hành án.

Tại phiên tòa, bị cáo T thừa nhận đã thực hiện hành vi phạm tội, không có ý kiến tranh luận với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát về nội dung vụ án, về tội danh.

Lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt, thời gian qua bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của bản thân, bị cáo xin lỗi các bị hại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về trách nhiệm hình sự: Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa như lời khai bị hại Nguyễn Văn M, Nguyễn Thanh T1 và nguyên đơn dân sự chị Nguyễn Thị Kim H và các chứng cứ khác đã thu thập được trong quá trình điều tra vụ án, như vậy đã có đủ cơ sở để kết luận: Bị cáo Nguyễn Văn T không làm việc trong quân đội nhân dân Việt Nam, nhưng đã sử dụng thủ đoạn gian dối bằng cách mua và mặc một bộ quân phục quân đội nhân dân Việt Nam để làm cho anh M và anh T1 lầm tin bị cáo thật sự là trưởng đồn biên phòng cửa khẩu Tịnh Biên. Mặc dù không có khả năng nhưng bị cáo T đã hứa giúp đỡ cho xe ô tô chở sắt phế liệu của anh M không bị kiểm soát khi qua cửa khẩu Tịnh Biên và giúp anh T1 có được việc làm quản lý kho hàng tại đồn biên phòng cửa khẩu Tịnh Biên, bị cáo nhiều lần yêu cầu các bị hại đưa tiền bằng cách viện nhiều lý do như mất bóp, xe hư, chiêu đãi cấp trên, tạo mối quan hệđể anh M và anh T1 đưa tiền cho bị cáo. Từ tháng 01/2019 đến khi bị bắt, các bị hại đã 15 lần đưa tiền, vàng cho bị cáo, mỗi lần từ 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) đến 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng). Bị cáo không có nghề nghiệp nên bị cáo sử dụng số tiền lừa của anh M và anh T1 để trả tiền thuê xe ô tô, đổ xăng xe, mua điện thoại di động Nokia 8800,

mua 02 (Hai) chiếc nhẫn vàng 18kara và ăn uống, tiêu xài cá nhân. Hành vi trên của bị cáo đã cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết định khung là “Có tính chất chuyên nghiệp” và “Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng”. Cáo trạng số 32/CT-VKSCT-HS ngày 31/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang truy tố bị cáo theo các điểm b, c khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nhân thân, tính chất mức độ của hành vi phạm tội: Bị cáo khi thực hiện hành vi phạm tội có đủ năng lực nhận thức được hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, nguy hiểm cho xã hội, nhưng do bản tính tham lam, lười lao động, xem thường pháp luật, bị cáo bất chấp tất cả cố ý phạm tội, bằng thủ đoạn gian dối, bị cáo đã làm cho anh M và anh T1 tin tưởng giao tiền, vàng cho bị cáo. Bị cáo đã thực hiện trót lọt và chiếm giữ tài sản của bị hại lên đến 66.000.000 đồng (Sáu mươi sáu triệu đồng). Hành vi của bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an tại địa phương. Mặt khác, bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo đã từng bị Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng xử phạt 06 tháng tù giam về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, đã được xóa án tích, tuy nhiên bị cáo không biết hối lỗi, sau khi chấp hành xong bản án, bị cáo lại tiếp tục thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản điều này chứng tỏ bị cáo là người rất xem thường pháp luật, do đó cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với mức độ và hành vi của bị cáo, để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành người dân biết tôn trọng pháp luật đồng thời như răn đe phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong thời gian từ 16/01/2019 đến 27/01/2019, bị cáo 7 lần thực hiện hành vi lừa đảo đối với anh M và trong hai ngày 05 – 06/02/2019, bị cáo 8 lần thực hiện hành vi lừa đảo đối với anh T1 nên bị cáo phải chịu thêm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “phạm tội 02 lần trở lên” được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo T thành khẩn khai báo, tác động đến người người thân trong gia đình tự nguyện bồi thường khắc phục một phần hậu quả cho người bị hại, ngoài ra bị cáo thuộc thành phần nhân dân lao động nghèo, không biết chữ nên nhận thức pháp luật có phần hạn chế, do đó Hội đồng xét xử áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2017 khi quyết định hình phạt.

[6] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có khả năng kinh tế nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Văn M và chị Nguyễn Thị Kim H, anh Nguyễn Thanh T1 có yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền bị chiếm đoạt,

đây là yêu cầu chính đáng của bị hại và nguyên đơn dân sự, bị cáo cũng đồng ý bồi thường nên được Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu của các bị hại, buộc bị cáo có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị Kim H số tiền 29.000.000 đồng (Hai mươi chín triệu đồng) và bồi thường cho anh Nguyễn Thanh T1 số tiền 37.000.000 đồng (Ba mươi bảy triệu đồng). Hiện cơ quan điều tra đang thu giữ số tiền 29.000.000 đồng (Hai mươi chín triệu đồng) là tiền bị cáo lấy của anh T1, anh M tiêu xài còn lại (5.000.000 đồng) và tiền gia đình bị cáo nộp khắc phục hậu quả (24.000.000 đồng), do đó Hội đồng xét xử quyết định cho anh M, chị Hồng được nhận 14.500.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng) và anh T1 được nhận 14.500.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng), buộc bị cáo phải bồi thường thêm cho anh M, chị H số tiền 14.500.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng) và anh T1 số tiền 22.500.000 đồng (Hai mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng).

[8] Xử lý vật chứng theo Quyết định chuyển vật chứng số 25/QĐ-VKSCT-HS ngày 31/10/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang:

- Một bộ quân phục màu xanh của quân đội; Một bảng tên quân đội mang tên Nguyễn Đình S; Một bộ quân hàm thiếu tá và phù hiệu bộ đội biên phòng của quân đội; Một thắt lưng của quân đội; Một đôi giày màu đen của quân đội, đây là quân phục của quân đội nhân dân Việt Nam, không rõ xuất xứ và một giấy chứng minh nhân dân tên Lê Quốc C (có dán ảnh của T) không có giá trị nên Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự tịch thu và tiêu hủy.

- Một giấy phép lái xe tên Nguyễn Văn M và một giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Văn T: đây là tài sản cá nhân của anh M và bị cáo nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho anh M và bị cáo T.

- Một điện thoại di động Nokia – 8800 màu vàng; Một nhẫn kim loại màu vàng 18kara, mặt nhẫn hình vuông có đính hột đá màu đỏ, tổng trọng lượng chiếc nhẫn 3,176 chỉ, hột đá không có giá trị, trọng lượng đá 0,56 chỉ, phần còn lại là vàng 18kara, phỗ 600, trọng lượng vàng 2,616 chỉ; Một nhẫn kim loại màu vàng 18kara, kim loại màu vàng, mặt nhẫn hình tròn có đính hột đá màu đen, tổng trọng lượng chiếc nhẫn 2,984 chỉ, hột đá không có giá trị, trọng lượng đá 1,49 chỉ, phần còn lại là vàng 18kara, phỗ 600, trọng lượng vàng 1,494 chỉ: Đây là các tài sản bị cáo sử dụng tiền lừa đảo của anh M và anh T1 mua được do đó Hội đồng xét xử giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xử lý để bảo đảm trong giai đoạn thi hành án.

- Một điện thoại di động Iphone 6S plus 32GB; Một đồng hồ đeo tay nhãn hiệu SAPPHIRE; Một xe mô tô biển số 65F1-379.00 hiệu WAZELET, số máy VUMHAYG150FMH012524, số khung VTKBCH014UM012524, dung tích xi lanh 109 cm³. Một giấy mua bán xe: 65F1-379.00 (giấy tay): Đây là tài sản cá nhân của bị cáo, không phải là vật chứng trong vụ án nên Hội đồng xét xử căn cứ

vào điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo, tuy nhiên bị cáo còn thực hiện nghĩa vụ thi hành án, do đó tạm giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xử lý để bảo đảm trong giai đoạn thi hành án.

- Tiền Việt Nam 29.000.000 đồng (Hai mươi chín triệu đồng), trong đó 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) là số tiền bị cáo lấy của anh T1 và anh M tiêu xài còn lại, và số tiền 24.000.000 đồng (Hai mươi bốn triệu đồng) gia đình bị cáo nộp khắc phục hậu quả, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự quyết định cho anh T1, chị Hồng được nhận số tiền 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng) và anh T1 nhận số tiền 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng).

[10] Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ vào các điểm b, c khoản 2 Điều 174; Điều 38; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, đã được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 03 (Ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (ngày 06/6/2019).

2. Trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo Nguyễn Văn T bồi thường cho:

- Anh Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị Kim H số tiền 14.500.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng);

- Anh Nguyễn Thanh T1 số tiền 22.500.000 đồng (Hai mươi hai triệu năm trăm ngàn đồng).

3. Về xử lý vật chứng theo Quyết định chuyển vật chứng số 25/QĐ-VKSCT-HS ngày 31/10/2019 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang: Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2017, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự,

- Tịch thu tiêu hủy:

+ Một bộ quân phục màu xanh của quân đội;

+ Một bảng tên quân đội mang tên Nguyễn Đình S;

+ Một bộ quân hàm thiếu tá và phù hiệu bộ đội biên phòng của quân đội;

+ Một thắt lưng của quân đội;

+ Một đôi giày màu đen của quân đội;

- + Một giấy chứng minh nhân dân tên Lê Quốc C (có dán ảnh của T).
- Anh Nguyễn Văn M, chị Nguyễn Thị Kim H được nhận số tiền 14.500.000đ (Mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng), anh Nguyễn Thanh T1 được nhận số tiền 14.500.000 đồng (Mười bốn triệu năm trăm ngàn đồng) từ tiền tang vật trong vụ án khi bản án có hiệu lực pháp luật.
- Giao cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang quản lý, xử lý để đảm bảo thi hành án:
- + Một điện thoại di động Nokia – 8800 màu vàng;
- + Một nhẫn kim loại màu vàng 18kara, mặt nhẫn hình vuông có đính hột đá màu đỏ, tổng trọng lượng chiếc nhẫn 3,176 chỉ, hột đá không có giá trị, trọng lượng đá 0,56 chỉ, phần còn lại là vàng 18kara, phỗ 600, trọng lượng vàng 2,616 chỉ;
- + Một nhẫn kim loại màu vàng 18kara, kim loại màu vàng, mặt nhẫn hình tròn có đính hột đá màu đen, tổng trọng lượng chiếc nhẫn 2,984 chỉ, hột đá không có giá trị, trọng lượng đá 1,49 chỉ, phần còn lại là vàng 18kara, phỗ 600, trọng lượng vàng 1,494 chỉ;
- + Một điện thoại di động Iphone 6S plus 32GB;
- + Một đồng hồ đeo tay nhãn hiệu SAPPHIRE;
- + Một xe mô tô biển số 65F1-379.00 hiệu WAZELET, số máy VUMHAYG150FMH012524, số khung VTKBCH014UM012524, dung tích xi lanh 109 cm³; một giấy mua bán xe: 65F1-379.00 (giấy tay).
- Trả lại cho Nguyễn Văn M: Một giấy phép lái xe tên Nguyễn Văn M.
- Trả lại cho Nguyễn Văn T: Một giấy chứng minh nhân dân tên Nguyễn Văn T;

4. Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.850.000 đồng (Một triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (28/11/2019).

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang;
- Phòng KTNV-THA – TAND tỉnh An Giang;
- CQ CSĐT Công an huyện Châu Thành;
- Chi cục THA.DS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Ngọc Giao